

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1943 /UBND-KGVX

Tây Ninh, ngày 21 tháng 6 năm 2022

V/v hoàn thiện phương án quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nhận được Công văn số 1139/BKH-CN-TCCB ngày 23/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phối hợp xây dựng phương án quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đã bổ sung, hoàn thiện *Phương án Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050* theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 1139/BKH-CN-TCCB. UBND tỉnh Tây Ninh kính gửi Bộ Khoa học và Công nghệ biết, tổng hợp.

(*Phương án Quy hoạch chi tiết kèm theo*).

Trân trọng./.

Nơi nhận

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- LĐVP;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Đức Trọng



PHƯƠNG ÁN
QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI TỔ CHỨC KH&CN CÔNG LẬP THUỘC
THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*Kèm theo Công văn số 1943/UBND-KGVX ngày 21/6/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI KHẢO SÁT LẬP PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH

1. Đối tượng, phạm vi khảo sát

Các tổ chức được Sở KH&CN cấp giấy chứng nhận hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh bao gồm:

- 01 tổ chức KH&CN công lập: Trung tâm KH&CN Tây Ninh.
- 04 tổ chức KH&CN ngoài công lập: Viện nghiên cứu phát triển kinh tế và giáo dục; Liên hiệp khoa học và phát triển công nghệ; Trung tâm đánh giá và chứng nhận Interconformity Việt Nam; Viện Nghiên cứu Nông nghiệp Thành Thành Công.
- 02 chi nhánh của tổ chức KH&CN Trung ương đặt tại địa phương: Chi nhánh Dưỡng sinh tỉnh Tây Ninh; Chi nhánh Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mở tại Tây Ninh

Ngoài ra, Sở KH&CN dự kiến phối hợp Đơn vị tư vấn khảo sát thêm các tổ chức có triển khai hoạt động KH&CN, đổi mới sáng tạo (ĐMST), các tổ chức tham gia nghiên cứu khoa học trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp khác trên địa bàn tỉnh để đánh giá về tiềm lực phát triển tổ chức KH&CN của tỉnh như:

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy: Trường Chính trị.
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh: Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Tây Ninh, Ban Quản lý Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát.
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường*).
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Công Thương: Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp.
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và môi trường; Trung tâm Phát triển quỹ đất.
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông (*Trung tâm Giám sát, điều hành kinh tế - xã hội tập trung*).
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*Trung tâm Thông tin xúc tiến Du lịch; Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật, ...*)

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế (*Bệnh viện Đa khoa; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm; Trung tâm Kiểm dịch Y tế Quốc tế; các Trung tâm Y tế ở các huyện, thị xã, thành phố Tây Ninh*)

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: *các Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, thành phố, thị xã, huyện, Trường Cao đẳng sư phạm.*

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật; Trường Cao đẳng nghề, ...

- Đơn vị sự nghiệp khác thuộc Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải

- Các doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh: Công ty TNHH MTV Trà Tâm Lan; Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công; Doanh nghiệp tư nhân Trà Hoàn Ngọc 7 Nga.

- Một số doanh nghiệp khác thuộc các ngành chủ lực như: cao su, mì...

2. Đối tượng lập quy hoạch

Tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG

Phần I. Các văn bản chỉ đạo, chiến lược, quy hoạch của địa phương

Các văn bản chỉ đạo, chiến lược, quy hoạch của địa phương (nếu có), gồm:

- *Văn kiện, Nghị quyết của Tỉnh ủy:*

+ Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025.

+ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2020 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

+ Chương trình hành động số 68-CTr/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI.

- *Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh:*

+ Kế hoạch số 1962/KH-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 696/QĐ-TTg ngày 25/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị trung ương 6 khóa IX về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- *Các chiến lược, quy hoạch phát triển có liên quan của tỉnh.*

+ Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.

Phần II. Báo cáo về mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh

I. Phân tích, đánh giá yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh tác động đến mạng lưới tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn tỉnh

1.1 Bối cảnh trong và ngoài nước

Hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế xã hội của mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam, đã mở ra nhiều cơ hội, cũng như đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia và tất cả các ngành, lĩnh vực. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực tiếp cận và chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số.

Cùng với các thành tựu về phát triển KH&CN, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số là cơ hội để các tổ chức KH&CN (trong đó, bao gồm tổ chức KH&CN công lập) tỉnh Tây Ninh có thể tiếp cận được xu thế này để ứng dụng vào hoạt động thực tiễn, tạo bức phá về nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của đơn vị, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển cho đơn vị trong thời gian tới.

1.2. Bối cảnh hoạt động KH, CN&ĐMST tại địa phương

Hoạt động KH,CN&ĐMST trong giai đoạn vừa qua đã có những bước tiến đáng kể, tập trung bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giúp nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân, doanh nghiệp về vai trò, vị trí của KH,CN&ĐMST được nâng lên; các dự án nâng cao tiềm lực về KH&CN được triển khai; các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được ban hành góp phần quan trọng vào đổi mới công tác quản lý, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, cải thiện năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ vào công tác quản lý, điều hành, dịch vụ công trực tuyến góp phần thực hiện tốt công tác cải cách hành chính nhà nước, tạo tiền đề tiến tới hình thành chính quyền điện tử, chính quyền số, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Tuy nhiên, hoạt động KH&CN phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và sự phát triển của tỉnh, chưa thực sự trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh

tế - xã hội; các giải pháp KH&CN trong tăng trưởng và phát triển của từng ngành nghề mức độ tham gia, đóng góp còn khiêm tốn và chưa chủ đạo.

Kinh phí đầu tư cho KH&CN của tỉnh còn thấp so với tổng chi ngân sách của tỉnh (thấp hơn mức 2%), trung bình giai đoạn 2010-2015 đạt 0,50% (*trong đó kinh phí chi cho ngành KH&CN chiếm 0,22%*), giai đoạn 2016-2020 đạt 0,50% (*kinh phí chi cho ngành KH&CN chiếm 0,19%*). Việc huy động nguồn lực của xã hội, nhất là từ doanh nghiệp vào hoạt động KH, CN & ĐMST còn hạn chế; đầu tư, đổi mới công nghệ còn thấp; sản phẩm của hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế của đời sống, chưa có đề tài, dự án có tính đột phá cao để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, lĩnh vực nghiên cứu chưa đa dạng, nguồn lực tham gia nghiên cứu khoa học của tỉnh còn hạn chế. Vốn sự nghiệp KH&CN phân bổ thực hiện ở cấp huyện rất thấp so với ở cấp tỉnh, chưa thu hút được nguồn kinh phí ngoài ngân sách, cơ chế tài chính còn rườm rà, chưa thật sự khuyến khích cho hoạt động nghiên cứu KH&CN.

Lĩnh vực đổi mới sáng tạo, mặc dù rất quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh theo chiều sâu nhưng hiện nay hoạt động đổi mới sáng tạo của tỉnh còn trong giai đoạn khởi đầu, sơ khai, chủ yếu mới chỉ tuyên truyền, hội thảo và tổ chức các cuộc thi tại các đoàn thể và hiệp hội. Mặc dù đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có trình độ đại học, trên đại học ngày càng tăng nhưng số người quan tâm, có năng lực nghiên cứu, triển khai, ứng dụng KH&CN chưa nhiều. Tỉnh chưa có chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao và các ngành nghề khác. Việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH&CN cũng chưa được quan tâm, đặc biệt là ở các doanh nghiệp trọng điểm của địa phương. Đây là một yếu tố quan trọng trong việc khó tham gia quá trình hội nhập và đổi mới công nghệ ⁽¹⁾.

II. Đánh giá hiện trạng hệ thống tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 (Biểu 1, 2, 3, 4, 5 kèm theo)

2.1. Phân tích, đánh giá về vai trò của các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh

Trong giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 01 tổ chức KH&CN công lập thuộc Sở KH&CN; 03 tổ chức KH&CN ngoài công lập và 02 chi nhánh của tổ chức KH&CN trung ương đặt tại địa phương. Tuy nhiên, trong thời gian qua, các tổ chức KH&CN lại chưa phát huy hết vai trò của mình, nhất là tổ chức KH&CN công lập của tỉnh chưa xây dựng được các dịch vụ KHCN chủ lực, chưa trở thành đơn vị nòng cốt trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ ⁽¹⁾.

¹ Tham khảo: Dự thảo Nghị quyết về Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 sau khi lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan.

2.2. Đánh giá tổng quan tình hình thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt có liên quan đến mạng lưới tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn Tỉnh trong giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 (nếu có)

Trước đây, ngành KH&CN của tỉnh hoạt động trên cơ sở định hướng của Quy hoạch phát triển hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014, trong đó, có định hướng mục tiêu về phát triển hệ thống tổ chức KH&CN².

Đến nay, tỉnh cơ bản đạt được mục tiêu của quy hoạch KH&CN đề ra như: đã cấp giấy chứng nhận cho 02 tổ chức KH&CN ngoài công lập (Viện nghiên cứu phát triển kinh tế và giáo dục; Viện Nghiên cứu Nông nghiệp Thành Thành Công); 02 tổ chức KH&CN công lập (sau này hợp nhất lại thành 01 tổ chức là Trung tâm KH&CN; 03 doanh nghiệp KH&CN (Công ty CP Nghiên cứu Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công; Doanh nghiệp tư nhân Trà Hoàn Ngọc 7 Nga; Công ty TNHH MTV Trà Tâm Lan).

Riêng đối với nội dung về việc hình thành 01 khu nông nghiệp công nghệ cao: hiện nay ngành nông nghiệp tỉnh đang tiếp tục xây dựng quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng cao tại huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Phân tích cấu trúc mạng lưới tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh

- Theo cơ cấu: tính đến ngày 31/12/2020, tỉnh Tây Ninh có 06 tổ chức KH&CN, các lĩnh vực hoạt động chủ yếu gồm: Khoa học tự nhiên (02 tổ chức); Khoa học kỹ thuật và công nghệ (03 tổ chức); Khoa học nông nghiệp (02 tổ chức); Khoa học xã hội (04 tổ chức). Về cơ cấu theo chức năng: các tổ chức KH&CN này thuộc loại hình nghiên cứu ứng dụng (06 tổ chức) và dịch vụ KH&CN (05 tổ chức). Về cơ cấu theo mức độ xã hội hóa dịch vụ công: có 01 tổ chức KH&CN cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực hoạt động KH&CN.

- Theo quy mô tổ chức:

+ Về nhân lực: trong giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh có 06 tổ chức KH&CN (bao gồm 02 chi nhánh) với tổng số nhân lực là 77 người gồm: 03 tiến sĩ; 12 thạc sĩ; 51 đại học, cao đẳng; 11 trình độ khác.

+ Về thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị; tài chính của tổ chức KH&CN: tổng số vốn cơ sở vật chất, thiết bị của 06 tổ chức KH&CN đã đăng ký là 78,4 tỷ đồng, trong đó có 01 Trại thực nghiệm KH&CN (gồm có phòng thí nghiệm, nhà làm việc,

² Theo quy hoạch phát triển hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030: "hình thành từ 2-3 doanh nghiệp KH&CN và 01 khu nông nghiệp công nghệ cao (CNC) với các cơ sở sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC, tạo ra ngành nghề mới, sản phẩm mới, hàng hóa có chất lượng mới; đưa từ 2-3 tổ chức hoạt động KH&CN công lập của tỉnh trở thành những đơn vị nòng cốt trong NCKH, ứng dụng và CGCN đạt trình độ Quốc gia. Tập trung các đề tài, dự án KH&CN phục vụ thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH của tỉnh và hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh".

nhà xưởng, nhà lưới, khu thử nghiệm) thuộc tổ chức KH&CN công lập với kinh phí đầu tư hơn 61 tỷ đồng.

- Theo năng lực nghiên cứu phát triển, cung ứng dịch vụ KH, CN & ĐMST: điều kiện về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực của các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, kinh phí đầu tư phát triển chưa nhiều.³

- Thực trạng tự chủ của các tổ chức KH&CN công lập: Tây Ninh hiện có 01 tổ chức KH&CN công lập là Trung tâm KH&CN trực thuộc Sở KH&CN, là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ tạo nguồn thu cho đơn vị (dịch vụ về đo điện trở, giám sát môi trường, dịch vụ cung cấp liệu kê cá nhân, chuyển giao các mô hình ứng dụng KH&CN, dịch vụ kỹ thuật về tiêu chuẩn, đo lường; năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa). Trong quá trình hoạt động, đơn vị còn khó khăn về việc không được giao quyền tự chủ về số người làm việc trong đơn vị, mà do Sở Nội vụ phê duyệt vị trí việc làm, điều này ảnh hưởng đến tính linh hoạt và quyền tự quyết của người đứng đầu tổ chức KH&CN công lập. Dự kiến đến năm 2025, Trung tâm KHCN sẽ tự chủ hoàn toàn về chi thường xuyên.

2.4 Phân tích, đánh giá thực trạng phân bổ, sử dụng không gian của mạng lưới tổ chức KH&CN công lập của thời kỳ quy hoạch trước (2016-2020)

- Phân tích, đánh giá thực trạng phân bổ, sử dụng không gian của mạng lưới tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn tỉnh thời kỳ quy hoạch trước

Trong giai đoạn 2016- 2020, tỉnh Tây Ninh chưa có quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn này, trên địa bàn tỉnh có 02 tổ chức KH&CN công lập: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng và Trung tâm Thông tin, ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ, đến năm 2018 hợp nhất lại thành 01 tổ chức KH&CN công lập là Trung tâm KH&CN theo Quyết định số 3289/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm KH&CN Tây Ninh trực thuộc Sở KH&CN với tổng diện tích đất sử dụng: 39.227 m², diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm: 751,84 m² (trong đó, trụ sở làm việc chính tại địa chỉ số 1, hẻm 3, đường Võ Thị Sáu, phường 3, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, diện tích đất: 1.323,5 m², diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm: 259,84 m² và Trại thực nghiệm KH&CN tại địa chỉ : xã Thái Bình, huyện Châu Thành, Tây Ninh, diện tích đất: 37.903,5 m², diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm: 492 m²) với tổng kinh phí gần 62 tỷ đồng, tạo không gian làm việc cho

³ Theo báo cáo hàng năm của các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh, một số đơn vị không có đầu tư mới, thiếu trang thiết bị hiện đại, khó khăn trong việc thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, quy mô hoạt động nhỏ lẻ, chưa đảm bảo triển khai đầy đủ các lĩnh vực đăng ký; số tổ chức KH&CN thực hiện đề tài, dự án cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp cơ sở còn ít (một số đơn vị không có thực hiện, hoạt động dịch vụ tư vấn là chính); chưa đa dạng hóa được các loại hình dịch vụ KH&CN nên chưa tạo được động lực để phát triển trong hoạt động của các tổ chức KH&CN.

các hoạt động chuyên môn của Trung tâm tương đối hài hòa, hợp lý và nhằm mục tiêu phát triển lâu dài.

- Đánh giá tính hợp lý và xác định các định các vấn đề mâu thuẫn, điểm xung đột trong bố trí mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ quy hoạch trước; xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức ...

- + Về điểm mạnh: tổ chức KH&CN công lập đã có những đóng góp nhất định vào tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh, đã từng bước đổi mới về tổ chức hoạt động, ngày càng nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Hoạt động của tổ chức KH&CN được mở rộng hoạt động từ nghiên cứu - phát triển đến dịch vụ.

- + Điểm yếu: tổ chức KH&CN công lập của tỉnh gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện cơ chế tự chủ, thiếu năng động, còn tư tưởng trông chờ nhà nước.

- Nguồn nhân lực KH&CN còn thiếu, yếu cả về số lượng và chất lượng; sự kết nối giữa tổ chức KH&CN công lập của tỉnh với các tổ chức KH&CN, các chuyên gia hoạt động KH&CN, các doanh nghiệp còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, chưa đảm bảo để phát huy hết nguồn lực đầu tư cho KH&CN một cách đồng bộ, hiệu quả; một số giải pháp công nghệ áp dụng vào sản xuất kinh doanh đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên chỉ giới hạn trong phạm vi hẹp và chưa phổ biến.

- + Cơ hội: phát triển hệ thống tổ chức KH&CN nói chung và tổ chức KH&CN công lập nói riêng đã và đang được sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh. Trong đó, tập trung chủ yếu vào việc đầu tư xây dựng, hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật; phát triển năng lực tiếp thu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng cao công tác tuyên truyền kết quả các nhiệm vụ KH&CN, hỗ trợ hoạt động KH&CN cấp tỉnh, huyện.

- + Thách thức: tổ chức và hoạt động của tổ chức KH&CN công lập vẫn còn nhiều hạn chế, cơ cấu đội ngũ cán bộ, viên chức chưa hợp lý, chất lượng chưa cao, năng suất lao động thấp; chất lượng, hiệu quả về hoạt động dịch vụ KH&CN chưa cao, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế của địa phương.

Phần III. Báo cáo quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

I. Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

1.1 Quan điểm phát triển

Phương án quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục

tiêu, định hướng quy hoạch tỉnh trong cùng giai đoạn phát triển, đảm bảo phát huy tối đa lợi thế về KH&CN&ĐMST của tỉnh.

Nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập, thu hút đa dạng các nguồn lực đầu tư phát triển cho tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn tỉnh.

1.2 Mục tiêu phát triển

- Cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về định hướng phát triển KH&CN&ĐMST để kết nối các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh và mở rộng liên kết vùng nhằm đẩy nhanh ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống.

- Tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh góp phần thúc đẩy sự phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên phạm vi cả nước.

- Làm cơ sở để xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ, bảo đảm tính khách quan, khoa học, công khai, minh bạch và hiệu quả; đồng thời là cơ sở huy động nguồn lực của cộng đồng, xã hội phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; hướng tới mục tiêu tự chủ hoàn toàn của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

II. Phương án quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Tỉnh

Phương án quy hoạch các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh được phân kỳ theo hai giai đoạn: 2021-2030, 2031-2050. Cụ thể như sau:

2.1 Phương án quy hoạch cấu trúc mạng lưới tổ chức KH&CN công lập: về tăng, giảm số lượng tổ chức; về điều chỉnh quy mô các tổ chức; về điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, vị trí pháp lý của các tổ chức; về nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập; ...

Hiện tại, tỉnh có 01 đơn vị sự nghiệp công lập là Trung tâm KH&CN Tây Ninh, đơn vị này đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/ 6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập. Trong giai đoạn 2021-2030 và giai đoạn 2031-2050, tỉnh vẫn giữ nguyên 01 tổ chức KH&CN công lập là Trung tâm KH&CN Tây Ninh. Trên cơ sở đó, tỉnh sẽ tiếp tục mở rộng về chức năng, nhiệm vụ theo hướng nâng cao tính tự chủ đảm bảo chi thường xuyên theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp thực tiễn địa phương (*cụ thể: tỉnh sẽ hình thành Khu vòm tạo công nghệ hoặc Khu đổi mới sáng tạo/Khu, không gian làm việc chung thuộc Trung tâm KH&CN Tây Ninh*).

Tổng hợp về Phương án quy hoạch cấu trúc mạng lưới tổ chức KH&CN công lập tại Biểu 6.

2.2 Phương án đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập.

- Về đầu tư cơ sở vật chất: giai đoạn 2021-2030, tỉnh tập trung khai thác các cơ sở vật chất hiện có, xây dựng Khu ươm tạo công nghệ hoặc Khu đổi mới sáng tạo/Khu, không gian làm việc chung trực thuộc Trung tâm KH&CN Tây Ninh nhằm mở rộng hệ thống các sản phẩm dịch vụ, tăng cường liên kết với các doanh nghiệp để thu hút nguồn lực đầu tư cho hoạt động dịch vụ KH&CN. Giai đoạn 2031-2050, tỉnh sẽ tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Trại thực nghiệm Khoa học và Công nghệ thuộc Trung tâm KH&CN Tây Ninh.

- Về nguồn nhân lực: giai đoạn 2021-2030 và giai đoạn 2031-2050, tỉnh tiến hành rà soát, củng cố nguồn nhân lực theo đề án vị trí việc làm để đáp ứng các hoạt động dịch vụ KH&CN của đơn vị.

2.3 Phương án phân bổ không gian các tổ chức KH&CN công lập theo đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Giai đoạn 2021-2030 và giai đoạn 2031-2050, tỉnh vẫn giữ ổn định về không gian của tổ chức KH&CN công lập.

Tổng hợp về Phương án phân bổ không gian các tổ chức KH&CN công lập tại Biểu 7.

2.4 Phương án bố trí sử dụng đất cho phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập và các hoạt động KH, CN & ĐMST.

Giai đoạn 2021-2030 và giai đoạn 2031-2050, tỉnh vẫn giữ ổn định về diện tích đất sử dụng của tổ chức KH&CN công lập.

Tổng hợp về Phương án bố trí sử dụng đất cho các tổ chức KH&CN công lập tại Biểu 8.

III. Đề xuất Danh mục dự án cấp quốc gia, cấp Tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện

3.1. Xác định các tiêu chí ưu tiên đầu tư:

- Về loại dự án: dự án đầu tư công⁴.
- Mức dự án đầu tư công: dự án thuộc nhóm B theo Luật Đầu tư công về tiêu chí lựa chọn dự án, tổng mức đầu tư là 50 tỷ đồng⁵.

3.2. Đề xuất danh mục dự án theo thứ tự ưu tiên

⁴ Theo hướng dẫn tại điểm 2 khoản V Mục A Phụ lục I – Phân loại dự án đầu tư công ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

⁵ Theo quy định phân loại dự án nhóm A, B, C. Dự án nhóm B (khoản IV Mục B Phụ lục I – Phân loại dự án đầu tư công ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020).

1. Tên dự án: Xây dựng không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

2. Sự cần thiết đầu tư

- Về cơ sở pháp lý:

+ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

+ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;

+ Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;

+ Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 26/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

+ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

+ Báo cáo chính trị số 608-BC/TU ngày 15/10/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

+ Công văn số 1824/BKH-CN-TCCB ngày 12/7/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phối hợp xây dựng phương án quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

+ Công văn số 1139/BKH-CN-TCCB ngày 23/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về phối hợp xây dựng phương án quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Về cơ sở thực tiễn:

Tỉnh Tây Ninh trong những năm qua đã quan tâm chỉ đạo, chú trọng đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trên tất cả các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, y - dược, môi trường, bước đầu đã giải quyết được các vấn đề về nâng cao năng suất, chất lượng các giống cây trồng, vật nuôi có lợi thế của tỉnh; xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản của địa phương; phát triển doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, hoạt động KH&CN phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và

sự phát triển của tỉnh; hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo (KN&ĐMST) của tỉnh đang trong giai đoạn khởi đầu, còn sơ khai, chưa có kết quả nổi bật, các thành phần cơ bản của hệ sinh thái còn thiếu và yếu, chưa đủ cơ sở để tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển cụ thể: chưa có hạ tầng phục vụ hoạt động khởi nghiệp (các tổ chức trung gian, tổ chức cung cấp dịch vụ về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo); thiếu nguồn nhân lực về quản lý, đội ngũ tư vấn, chuyên gia; không có Viện, trường Đại học để tạo sự gắn kết hoạt động đào tạo - nghiên cứu và thị trường, ... sự quan tâm, tìm hiểu, tham gia của cộng đồng doanh nghiệp về đổi mới sáng tạo còn rất hạn chế; nhận thức của người dân về khởi nghiệp còn chưa đầy đủ; hoạt động còn mang tính lỏng lẻo, phân tán, thiếu tập trung và chưa thật sự có tác động lớn đến hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương.

Hiện tại, tỉnh Tây Ninh đang xây dựng Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp KH&CN⁽⁶⁾ (theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021), trong đó có nội dung về “*Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (pháp lý, tài chính, sở hữu trí tuệ, thông tin công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, và các dịch vụ khác)*” nhằm cung cấp tốt hơn dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Để phát huy, khai thác tối đa tiềm năng phát triển hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của tỉnh trong thời gian tới, với chức năng hiện có của Trung tâm KH&CN -tổ chức KH&CN công lập, việc “*xây dựng không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh*” thuộc Trung tâm KH&CN của tỉnh là cần thiết thực hiện, nhằm triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển hệ sinh thái KN&ĐMST kích thích sự sáng tạo và uơm tạo những ý tưởng đổi mới sáng tạo ban đầu trở thành những sản phẩm thực tế (*cung cấp dịch vụ thông tin về công nghệ, sáng chế, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ; chính sách, pháp luật; nguồn nhân lực; tin tức, sự kiện trong nước, quốc tế; ...*); đồng thời, sẽ hình thành khu dịch vụ tập trung hỗ trợ KN&ĐMST của tỉnh, thực hiện vai trò kết nối, hợp tác, huy động các nguồn lực, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất kỹ thuật, cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp để hoàn thiện, phát triển sản phẩm, kết nối thị trường.

Không gian KN&ĐMST còn tập trung xây dựng, phát triển mạng lưới tổ chức, cá nhân khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, nguồn đầu tư và giao dịch đầu tư, mô hình kinh doanh mới, giới thiệu chuyên gia, tổ chức tư vấn, huấn luyện, đào tạo, truyền thông, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại địa phương góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ mà Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra.

⁶ Gồm 05 lĩnh vực: Hoạt động khoa học và công nghệ; Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ; Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Mục tiêu, quy mô, địa điểm, phạm vi đầu tư và nội dung đầu tư

+ Mục tiêu: Tạo lập không gian sáng tạo, khởi nghiệp cho cộng đồng; khơi dậy tinh thần khởi sự kinh doanh, làm giàu, lập thân, lập nghiệp của mọi tầng lớp nhân dân, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

+ Địa điểm, phạm vi đầu tư: dự kiến tại trụ sở Trung tâm KH&CN.

+ Nội dung đầu tư: Hỗ trợ cơ sở vật chất hạ tầng.

- Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư: 50 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách đầu tư công của tỉnh.

- Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn:

+ Giai đoạn 2021-2025: Xây dựng không gian khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (kinh phí dự kiến: 20 tỷ đồng);

+ Giai đoạn 2026-2030: Nâng cấp không gian khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (kinh phí dự kiến: 30 tỷ đồng).

(Tổng hợp Danh mục dự án đầu tư theo Biểu 9.)

IV. Giải pháp thực hiện quy hoạch:

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Đổi mới cơ chế quản lý KH&CN hiện nay theo hướng hình thành cơ chế quản lý mới phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với đặc thù của hoạt động KH&CN và yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế của tỉnh; xây dựng cơ chế chính sách cho tổ chức KH&CN công lập theo từng lĩnh vực hoạt động để có chính sách hỗ trợ, đầu tư phát triển phù hợp với mục tiêu trở thành đơn vị nòng cốt trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, sẵn sàng cung cấp các dịch vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ nói chung và tổ chức KH&CN công lập nói riêng.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ. Đổi mới cơ chế quản lý nhân lực khoa học và công nghệ nhằm phát triển nguồn nhân lực KH, CN & ĐMST có trình độ và năng lực sáng tạo cao; giải phóng tiềm năng, phát huy tính chủ động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ. Xây dựng các chính sách tạo động lực vật chất và tinh thần mạnh mẽ cho các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, trọng dụng và tôn vinh nhân tài khoa học và công nghệ. Đổi mới chính sách đào tạo cán bộ khoa học và công nghệ.

3. Giải pháp về phát triển thị trường khoa học và công nghệ

Xây dựng và áp dụng các cơ chế và chính sách kinh tế - xã hội nhằm tạo nhu

cầu ứng dụng thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống. Tạo lập môi trường pháp lý cho hoạt động của thị trường KH&CN. Có cơ chế hỗ trợ và bảo hộ thực thi các quyền sở hữu trí tuệ các sản phẩm là kết quả nghiên cứu KH&CN, sáng tạo, sáng chế tham gia thị trường KH&CN. Dành tỷ lệ thích đáng kinh phí từ ngân sách nhà nước cho việc hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu có khả năng thương mại hoá để nâng cao chất lượng và khả năng thương mại hoá của các sản phẩm KH&CN. Tạo điều kiện hình thành hệ thống dịch vụ hỗ trợ thị trường KH&CN: phát triển các tổ chức môi giới công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ, các tổ chức cung cấp thông tin thị trường công nghệ; hình thành các tổ chức xúc tiến thị trường công nghệ; tổ chức các chợ công nghệ - thiết bị (Techmart). Đầu tư cho hoạt động của sàn giao dịch thiết bị, công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu cho chợ ảo thiết bị và công nghệ.

4. Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển, đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

Tăng cường và đa dạng hoá đối tác và hình thức hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu đầu ngành trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN; mở rộng quan hệ hợp tác với các tỉnh/thành phố trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, trao đổi, đào tạo nguồn nhân lực KH&CN; kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh với các tỉnh, thành, khu vực và quốc gia về KH&CN, gắn kết giữa hợp tác về KH&CN với hợp tác về kinh tế. Xây dựng chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học có trình độ cao đến địa phương tham gia nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn, đảm đương các chức vụ quản lý và nghiên cứu khoa học công nghệ. Tăng cường tối đa quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong liên kết, hợp tác.

5. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư

Đổi mới cơ chế đầu tư, nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển hoạt động của tổ chức KH&CN công lập tại tỉnh, thu hút đầu tư và khai thác có hiệu quả hạ tầng của tổ chức KH&CN công lập theo hướng chuỗi giá trị để thúc đẩy xuất khẩu, gia tăng TFP.

Nâng cao hiệu quả đầu tư của nhà nước cho KH&CN, tạo động lực cho tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động KH&CN. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp liên kết đầu tư vào hoạt động KH&CN. Tăng cường khai thác các nguồn vốn cho phát triển KH&CN. Tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức KH&CN khai thác nguồn vốn ngoài nước từ hoạt động hợp tác quốc tế bằng nhiều hình thức khác nhau: hợp tác nghiên cứu, đào tạo song phương, đa phương (nếu có).

6. Giải pháp về giáo dục tuyên truyền, truyền thông

Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, tuyên truyền, phổ biến tri thức KH&CN thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc hội thảo chuyên

đề, thư viện, các tạp chí thông tin,... để phổ biến tri thức KH&CN vào thực tiễn sản xuất - đời sống, nâng cao nhận thức và tính cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Có cơ chế hỗ trợ cho các hoạt động thông tin - truyền thông KH&CN như bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, đầu tư trang thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động thông tin - truyền thông KH&CN.

Hình thành hệ sinh thái truyền thông KH&CN với sự tham gia của hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, các tổ chức và cộng đồng xã hội nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của KH&CN. Tổ chức các chương trình, sự kiện, các cuộc thi, giải thưởng, danh hiệu nhằm tôn vinh nhà quản lý, cán bộ nghiên cứu và các tổ chức có nhiều thành tích và đóng góp cho hoạt động KH&CN.

7. Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động

Hoàn thiện cơ chế, chính sách đồng bộ, thống nhất tạo điều kiện cho các tổ chức KH&CN phát triển. Nghiên cứu, xây dựng và ban hành cơ chế mở, linh hoạt để thu hút cán bộ quản lý và các bộ nghiên cứu khoa học có trình độ và năng lực. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung đối với hoạt động các tổ chức KH&CN; vận hành, bảo đảm tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các tổ chức, và đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác góp phần hình thành cơ sở dữ liệu mở quốc gia. Từng bước chuyển dần vai trò chỉ đạo, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước là chủ yếu sang giao quyền, hỗ trợ, giám sát, đánh giá và tăng thẩm quyền hoạt động của các tổ chức KH&CN gắn với trách nhiệm giải trình. Khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các tổ chức trong hoạt động.

8. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Đẩy mạnh triển khai các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển KH, CN & ĐMST, nhất là chính sách hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, cá nhân nhằm thúc đẩy phát triển KH, CN & ĐMST của địa phương.

- Triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng năng lực và kỹ năng cho đội ngũ nguồn nhân lực của tổ chức KH&CN công lập đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Hỗ trợ tổ chức tham gia các sự kiện KH, CN & ĐMST nhằm tạo điều kiện kết nối, phát huy tính dẫn dắt cho các tổ chức đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao công nghệ; tạo môi trường thuận lợi cho quá trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, nâng cao sức sản xuất và cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tăng cường hợp tác với các Viện, trường Đại học để tạo sự gắn kết hoạt động đào tạo - nghiên cứu và thị trường để đưa KH&CN của tỉnh bắt kịp trình độ KH, CN & ĐMST của các tỉnh, thành phố trong nước.

- Bố trí kinh phí đầu tư phát triển hàng năm để triển khai thực hiện dự án đầu tư phục vụ chuyên môn.

- Lồng ghép nội dung phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập vào việc lập và triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phần IV. Cơ sở dữ liệu để phục vụ tích hợp trong Quy hoạch chung của ngành

Sở KH&CN đang phối hợp với đơn vị tư vấn lập Quy hoạch tỉnh bổ sung, hoàn thiện các nội dung này./.

PHỤ LỤC

Biểu 1: Tổng quan hiện trạng của mạng lưới tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh (thời điểm năm 2020)

TT	Tên tổ chức KH&CN	Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN	Lĩnh vực hoạt động KH&CN chủ yếu ⁷	Phân loại theo chức năng, nhiệm vụ ⁸	Phân loại theo mức độ tự chủ về tài chính ⁹
I	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh				
1	Tổ chức KH&CN công lập				
-	Trung tâm Khoa học và Công nghệ	01/GCN-KHCN ngày 16/7/2019	Khoa học kỹ thuật và công nghệ; Khoa học Nông nghiệp	Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu	Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên
2	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động KH&CN (nếu có): không có				
3	Tổ chức KH&CN ngoài công lập				
-	Viện Nghiên Cứu Phát Triển Kinh Tế và Giáo Dục	07/GCN-KHCN ngày 05/9/2018	Nghiên cứu khoa học xã hội	-	-
-	Liên Hiệp Khoa học và Phát triển công nghệ	11-CN/ KHCN ngày 14 / 6 /2012	Khoa học kỹ thuật và công nghệ; Khoa học tự nhiên; Khoa học Nông nghiệp; Khoa học xã hội	-	-
-	Trung tâm đánh giá và chứng nhận Interconformity Việt Nam	12-CN/ KHCN ngày 18/4/2013	Khoa học xã hội	-	-

⁷ Theo các lĩnh vực: Khoa học Tự nhiên; Khoa học Kỹ thuật và công nghệ; Khoa học Y dược; Khoa học Nông nghiệp; Khoa học Xã hội; Khoa học Nhân văn.

⁸ Theo phân loại tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BKHCN , gồm các tổ chức khoa học và công nghệ: phục vụ quản lý nhà nước; cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu; phục vụ công ích của nhà nước

⁹ Theo phân loại tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BKHCN , gồm các Tổ chức khoa học và công nghệ: tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

II	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan Trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên địa bàn Tỉnh				
-	Chi nhánh Dưỡng sinh tỉnh Tây Ninh	12/GCN-KHCN ngày 27/11/2018	Khoa học xã hội	-	-
-	Chi nhánh Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mở tại Tây Ninh.	02/GCN-KHCN ngày 30/11/2020	Khoa học kỹ thuật và công nghệ; Khoa học tự nhiên	-	-

Biểu 2: Hiện trạng nhân lực của mạng lưới tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh (năm 2020)

TT	Tên tổ chức KH&CN	Tổng số nhân lực	Phân loại nhân lực			Chế độ làm việc		Giới tính		Độ tuổi		
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Địa học và cao đẳng	Chính thức	Kiểm nhiệm	Nam	Nữ	≤45	>45 và ≤60	Trên 60
I	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh											
1	Tổ chức KH&CN công lập											
-	Trung tâm Khoa học và Công nghệ	34	0	07	22	29	0	19	10	29	0	0
2	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động KH&CN (nếu có): không có											
3	Tổ chức KH&CN ngoài công lập											
-	Viện Nghiên Cứu Phát Triển Kinh Tế và Giáo Dục	09	01	01	06	09	0	06	03	08	01	0
-	Liên Hiệp Khoa học và Phát triển công nghệ	12	01	02	09	03	09	09	03	11	01	0
-	Trung tâm đánh giá và chứng nhận Interconformity Việt Nam	06	01	01	04	04	02	03	03	06	0	0
II	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan Trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên địa bàn Tỉnh											
-	Chi nhánh Dưỡng sinh tỉnh Tây Ninh	09	0	0	04	09	0	04	05	0	0	09
-	Chi nhánh Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mở tại Tây Ninh.	07	0	01	06	02	0	03	04	07	0	0

Biểu 3: Hiện trạng cơ sở vật chất – kỹ thuật của mạng lưới KH&CN trên địa bàn tỉnh (thống kê năm 2020)

	Tên tổ chức KH&CN	Diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm (m ²)	Diện tích khu thử nghiệm, trạm, trại, khu sản xuất... (m ²)	Tổng giá trị tài sản cố định	Ghi chú
I	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh				
1	Tổ chức KH&CN công lập				
	Trung tâm Khoa học và Công nghệ	Diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm: 751,84 m ²	Diện tích đất Trại thực nghiệm Khoa học và Công nghệ: 37.903,5 m² - Khu diện tích 20.000 m² gồm: + Tòa nhà Trung tâm hành chính: phòng thí nghiệm nuôi cấy mô, sản xuất nấm, các phòng làm việc, kho lưu. (diện tích 432 m²). Nhà xe: 96 m² + 02 nhà màng: diện tích 600 m²/nhà + Nhà kho và 03 hồ chứa nước (300 m³): 48 m² + Nhà tạo meo, nuôi trồng các giống nấm (03 nhà): 3 x 120 m² = 360 m² + Nhà ươm tơ: 147.5 m² + Nhà thí nghiệm sản xuất nước ép trái cây: 360 m²	61.923.936.938 đồng	

			+ Nhà lưới trồng lan: 500m ² + Nhà lưới trồng lan: 300 m ² + Khu trồng cây khảo nghiệm: 700 m ² - Khu diện tích 17.903,6 m ² gồm: + Xưởng sản xuất phân vi sinh: 960 m ² + Nhà lưới ươm cây con cấy mô (04 nhà): 712.8 m ² /nhà + Khu trồng cây khảo nghiệm: 2.000 m ²		
2	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động KH&CN (nếu có): không có				
3	Tổ chức KH&CN ngoài công lập				
-	Viện Nghiên Cứu Phát Triển Kinh Tế và Giáo Dục	1.000	0	5.000.000.000đ	
-	Liên Hiệp Khoa học và Phát triển công nghệ	100	0	7.327.000.000đ	
-	Trung tâm đánh giá và chứng nhận Interconformity Việt Nam	100	0	3.150.000.000đ	
II	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan Trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên địa bàn Tỉnh				
-	Chi nhánh Dưỡng sinh tỉnh Tây Ninh	290	0	-	
-	Chi nhánh Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mở tại Tây Ninh.	100	0	1.000.000.000đ	

Biểu 4: Hiện trạng tài chính của tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh (thống kê năm 2020)

TT	Tên tổ chức KH&CN	Tổng kinh phí chi thường xuyên (triệu đồng)	Tổng kinh phí do thực hiện đề tài, dự án cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp cơ sở (triệu đồng)	Tổng kinh phí cho đầu tư phát triển (triệu đồng)	Tổng kinh phí thu sự nghiệp ¹⁰ (triệu đồng)	Tổng doanh thu (triệu đồng)	Số tiền nộp thuế (triệu đồng)	Thu nhập bình quân tháng/đầu người (triệu đồng)	Ghi chú
I	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh								
1	Tổ chức KH&CN công lập								
-	Trung tâm Khoa học và Công nghệ	3.200	330,9	-	1.830,5	1.830,5	116,68	3,7	
2	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động KH&CN (nếu có): không có								
3	Tổ chức KH&CN ngoài công lập								
-	Viện Nghiên Cứu Phát Triển Kinh Tế và Giáo Dục	585	1.170	4.000	-	1.844	-	5	
-	Liên Hiệp Khoa học và Phát triển công nghệ	400	0	0	250	450	0	6,5	

¹⁰ Tổng kinh phí thu sự nghiệp thông qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ, áp dụng kết quả nghiên cứu, bán sản phẩm, đào tạo, dịch vụ khoa học và công nghệ khác và sản xuất - kinh doanh các sản phẩm là kết quả nghiên cứu

-	Trung tâm đánh giá và chứng nhận Interconformity Việt Nam	600	0	0	352	500	85,2	8	
II	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan Trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên địa bàn Tỉnh								
-	Chi nhánh Dưỡng sinh tỉnh Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	0	
-	Chi nhánh Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mô tại Tây Ninh.	0	0	0	0	0	0	0	Do tình hình dịch bệnh chưa triển khai, chỉ phát hành thông báo tổ chức các lớp học

Biểu 5: Hiện trạng tình hình hoạt động của mạng lưới tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh (thống kê giai đoạn 2016-2020)

TT	Tên tổ chức KH&CN	Số lượng đề tài, dự án thực hiện	Số lượng Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ thực hiện	Số lượng Bằng sáng chế độc quyền được cấp	Số lượng Bằng Số giải pháp hữu ích độc quyền được cấp	Số lượng Bài báo đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế	Số lượng Bài báo đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước	Số lượng đối tác quốc tế
I	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh							
1	Tổ chức KH&CN công lập							
	Trung tâm Khoa học và Công nghệ	7	2.400	0	0	0	10	0
2	Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động KH&CN (nếu có): không có							
3	Tổ chức KH&CN ngoài công lập							
-	Viện Nghiên Cứu Phát Triển Kinh Tế và Giáo Dục	10	8	0	0	0	2	0
-	Liên Hiệp Khoa học và Phát triển công nghệ	02	01	0	0	0	0	0
-	Trung tâm đánh giá và chứng nhận Interconformity Việt Nam	0	05	0	0	0	0	0
II	Tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của các cơ quan Trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên địa bàn Tỉnh							
-	Chi nhánh Dưỡng sinh tỉnh Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	0
-	Chi nhánh Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mô tại Tây Ninh.	0	0	0	0	0	0	0

Biểu 6: Phương án quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

Tổng số tổ chức tại thời điểm năm 2021: 01 tổ chức

Tổng số tổ chức tại thời điểm năm 2030: 01 tổ chức, tăng/giảm 0 tổ chức

Tổng số tổ chức tại thời điểm năm 2050: 01 tổ chức, tăng/giảm 0 tổ chức

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giai đoạn 2021-2030							Giai đoạn 2031-2050						Ghi Chú	
		Mức độ tự chủ ¹¹	Giữ ổn định về tổ chức	Thực hiện kiện toàn tổ chức theo các phương án					Mức độ tự chủ	Giữ ổn định về tổ chức						
				Giảm ¹²	Thành lập mới ¹³	Thay đổi về chức năng, nhiệm vụ	Thay đổi vị trí pháp lý ¹⁴	Chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần			Giảm	Thành lập mới	Thay đổi về chức năng, nhiệm vụ	Thay đổi vị trí pháp lý	Chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
	Trung tâm KH&CN	Tự bảo đảm chi thường xuyên	x			x			Tự bảo đảm chi thường xuyên	x						

Ghi chú: cột (4) đến (7), cột (8) đến (9), cột (11) đến (14), cột (16) đánh dấu (x) vào ô tương ứng

¹¹ Theo 4 mức độ tự chủ tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 02/2021/TT-BKHCN. Ghi theo 4 mức độ như sau: (a) tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; (b) tự bảo đảm chi thường xuyên; (c) tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; (d) do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

¹² Giảm do giải thể hoặc bị sáp nhập, hợp nhất.

¹³ Gồm các trường hợp: thành lập mới, hoặc hình thành tổ chức mới trên cơ sở hợp nhất các tổ chức hiện có.

¹⁴ Còn được gọi là thay đổi cơ quan chủ quản trực tiếp. Ghi rõ tên cơ quan chủ quản trực tiếp mới (nếu có thay đổi này)

Biểu 7: Phương án quy hoạch phân bố không gian các tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giai đoạn 2021-2030				Giai đoạn 2031-2050				Ghi chú
		Giữ ổn định về không gian	Thay đổi về không gian			Giữ ổn định về không gian	Thay đổi về không gian			
			Thay đổi về diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm (m ²)	Thay đổi về diện tích khu thử nghiệm, trạm, trại, khu sản xuất... (m ²)	Thay đổi về không gian khác (nếu có) (m ²)		Thay đổi về diện tích trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm (m ²)	Thay đổi về diện tích khu thử nghiệm, trạm, trại, khu sản xuất... (m ²)	Thay đổi về không gian khác (nếu có) (m ²)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Trung tâm KHCN	x				x				

Ghi chú: - cột (3) và cột (7) đánh dấu (x) vào ô tương ứng;
 - cột (4) đến (6), cột (8) đến (10) ghi số diện tích tăng hoặc giảm, giảm để dấu (-).

Biểu 8: Phương án quy hoạch bố trí sử dụng đất của các tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Tỉnh giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050

Đơn vị tính (m²)

TT	Tên tổ chức KH&CN	Giai đoạn 2021-2030		Giai đoạn 2031-2050		Ghi chú
		Giữ ổn định về diện tích đất	Thay đổi về diện tích đất	Giữ ổn định về diện tích đất	Thay đổi về diện tích đất	

		sử dụng	sử dụng	sử dụng	sử dụng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Trung tâm KHCN	x		x		

Ghi chú: cột (3) đến (6) ghi số diện tích tăng hoặc giảm, giảm đề dấu (-).

Biểu 9: Danh mục dự án đầu tư phát triển cấp quốc gia, cấp Tỉnh trong thời kỳ quy hoạch

Thứ tự ưu tiên	Tên dự án	Mục tiêu	Địa điểm	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Ghi chú
Giai đoạn 2021-2025					
	Xây dựng không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Xây dựng tinh thần sáng tạo, khởi nghiệp cho cộng đồng; khơi dậy tinh thần khởi sự kinh doanh, làm giàu, lập thân, lập nghiệp của mọi tầng lớp nhân dân, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Trụ sở Trung tâm KH&CN.	20	

Giai đoạn 2026-2030					
	Nâng cấp không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Trụ sở Trung tâm KH&CN.	30	